TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **108**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2025.
Về việc tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích.
2. Bà Đào Thị Tuyết Mai;

- Thư ký phiên Tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2025/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 77/2025/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Đỗ Thị Kiều P**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Số Căn cước công dân: 083190007093.

Địa chỉ: khu phố AT, thị trấn TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre (nay là ấp AT, xã TT1, tỉnh Vĩnh Long).

(Chị P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 29/8/2025)

- *Bị đơn:* **Anh Trần Văn T**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Số Căn cước công dân: 083090014155.

Địa chỉ: khu phố AT, thị trấn TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre (nay là ấp AT, xã TT1, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 19/6/2025, bản tự khai ngày 14/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Kiều P trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị P và anh T tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thủy, huyện BT, tỉnh Bến Tre vào năm 2013. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 02/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, nên thường xuyên cãi vả không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng rạn nứt, dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không thể hàn gắn được, đã ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- *Về nuôi con chung:* Có 01 chung tên là Trần Đỗ Hà M, sinh ngày 08/12/2013. Khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

* Đối với anh Trần Văn T là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng anh đều vắng mặt, mặc dù anh vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của anh.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về tuân theo pháp luật tố tụng:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T. Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Đỗ Hà M, sinh ngày 08/12/2013 cho chị P nuôi dưỡng và phù hợp với nguyện vọng của cháu. Ghi nhận chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến. Về nợ chung: Chị P khai không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do, chị Đỗ Thị Kiều P có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 29/8/2025. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị P là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị P và anh T cưới nhau vào năm 2013 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thủy, huyện BT, tỉnh Bến Tre (nay là Ủy ban nhân dân xã TT1, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 02/7/2013 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T được công nhận hợp pháp.

Nay chị P yêu cầu ly hôn, anh T vắng mặt nên không có lời khai. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong đó có biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cũng như lời khai của chị P trong quá trình giải quyết vụ án, đều xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, nên thường xuyên cãi vả không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng rạn nứt, dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không thể hàn gắn được và đã đã ly thân từ tháng 02/2025 cho đến nay.

Hơn nữa, Toà án đã tiến hành mời chị P và anh T để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh T đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

Qua đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa chị P và anh T đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về nuôi con chung:* Trong quá trình sống chung giữa chị P và anh T có 01 chung tên là Trần Đỗ Hà M, sinh ngày 08/12/2013, hiện đang sống với chị P. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Hà M, xét thấy từ trước đến nay cháu đều do chị P trực tiếp nuôi dưỡng, việc chị nuôi con chung vẫn phát triển bình thường. Mặt khác, tại thời điểm giải quyết ly hôn giữa chị P và anh T thì cháu Hà M đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống với chị P; chị P cũng có nguyện vọng được nuôi con, nên để nhằm ổn định về tinh thần con chung của anh và chị và phù hợp với nguyện vọng của cháu Hà M, cần để cháu Hà M cho chị P nuôi dưỡng cũng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị P.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị P nuôi con chung nhưng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét đến.

[5]. *Về tài sản chung:* Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. *Về nợ chung:* Chị P khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long về quan điểm giải quyết vụ án:* Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:*

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Kiều P đối với anh Trần Văn T. Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Kiều P và anh Trần Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Kiều P và anh Trần Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trần Đỗ Hà M, sinh ngày 08/12/2013 cho chị Đỗ Thị Kiều P trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện chị Đỗ Thị Kiều P nuôi con chung không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Đỗ Thị Kiều P trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trần Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị P khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Đỗ Thị Kiều P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000453 ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Như vậy, chị Đỗ Thị Kiều P đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (Phòng GĐKT, TT&THA);
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã TT1 (Số 078, Quyển 01/2013 ngày 02/7/2013);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Quốc Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hoàng Mích – Đào Thị Tuyết Mai **Phạm Quốc Duy**